



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2021

Hà Nội, tháng năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

BÁO CÁO /ANNUAL REPORT
Thường niên năm 2021/Year 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG
VAN LANG TECHNOLOGY
DEVELOPMENT AND INVESTMENT
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

Số: 03 /BC-VLA
No: 03./BC-VLA

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2022
Ha Noi, January 20, 2022

**BÁO CÁO /ANNUAL REPORT
Thường niên năm 2021/Year 2021**

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán

To: The State Securities Commission
The Stock Exchange

I. Thông tin chung/General information

1. Thông tin khái quát/General information

- Tên giao dịch/*Trading name*:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Business Registration Certificate No.*:
0102459018

- Vốn điều lệ/*Charter capital*: 10.800.000.000 (Mười tỷ tám trăm triệu đồng Việt Nam)

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Owner's capital*:

- Địa chỉ đăng ký kinh doanh/*Registered business address*: Số 81, đường Trần Hưng Đạo,
phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

- Địa chỉ giao dịch/*Trading address*: P 1204, tòa 17T5, đường Hoàng Đạo Thúy, phường
Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

- Số điện thoại/*Telephone*: 0246.6555854

- Số fax/*Fax*:

- Website: www.vla.vn

- Mã cổ phiếu (nếu có)/*Securities code (if any)*: VLA

- Quá trình hình thành và phát triển/*Establishment and development process* (ngày thành
lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

nay/Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now).

+ CTCP Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang được thành lập theo quyết định số 1338/QĐ-TCNS ngày 15/11/2007 của Nhà xuất bản Giáo dục. Công ty thành lập dưới hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

+ Giấy chứng nhận ĐKKD Công ty cổ phần số: 0103020568 đăng ký lần đầu ngày 07/11/2007, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 23/01/2008, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 04/11/2009, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 19/01/2010

+ Giấy chứng nhận ĐKKD Công ty cổ phần số: 0102459018 đăng ký thay đổi lần 4 ngày 30/07/2010, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 10/08/2016, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 30/08/2018, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 18/03/2021, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 08/10/2021.

+ Từ khi thành lập năm 2007, đến nay CTCP Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang đã thực hiện tăng vốn điều lệ một lần như sau: Ngày 30/11/2009, công ty phát hành tăng vốn điều lệ từ 3.000.000.000 đồng lên 10.800.000.000 đồng.

+ Ngày 19/07/2010, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã cấp giấy chứng nhận số 64/GCN-SGDHN chấp thuận cổ phiếu của CTCP Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang được giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

+ Ngày 04/08/2011, CTCP Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang giao dịch phiên đầu tiên trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán VLA.

- Các sự kiện khác/ Other events:

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Business lines and locations of the business:*

- *Ngành nghề kinh doanh/Business lines:* (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years).

STT	Ngành nghề kinh doanh
1	Sản xuất phần mềm quản lý trong các lĩnh vực: kế toán, quản lý sản xuất, quản lý nhân sự, phát hành, kho tang, quản lý xuất bán, siêu thị
2	Xây dựng hệ thống website về thông tin, quảng cáo, bán hàng trên mạng và các dịch vụ trên Internet
3	Buôn bán máy tính, dịch vụ bảo trì hệ thống, thiết bị văn phòng, đại lý cung cấp phần mềm
4	Đào tạo kỹ năng tư duy, marketing, bán hàng, giao tiếp, lãnh đạo, quản lý tài chính, quản lý thời gian; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

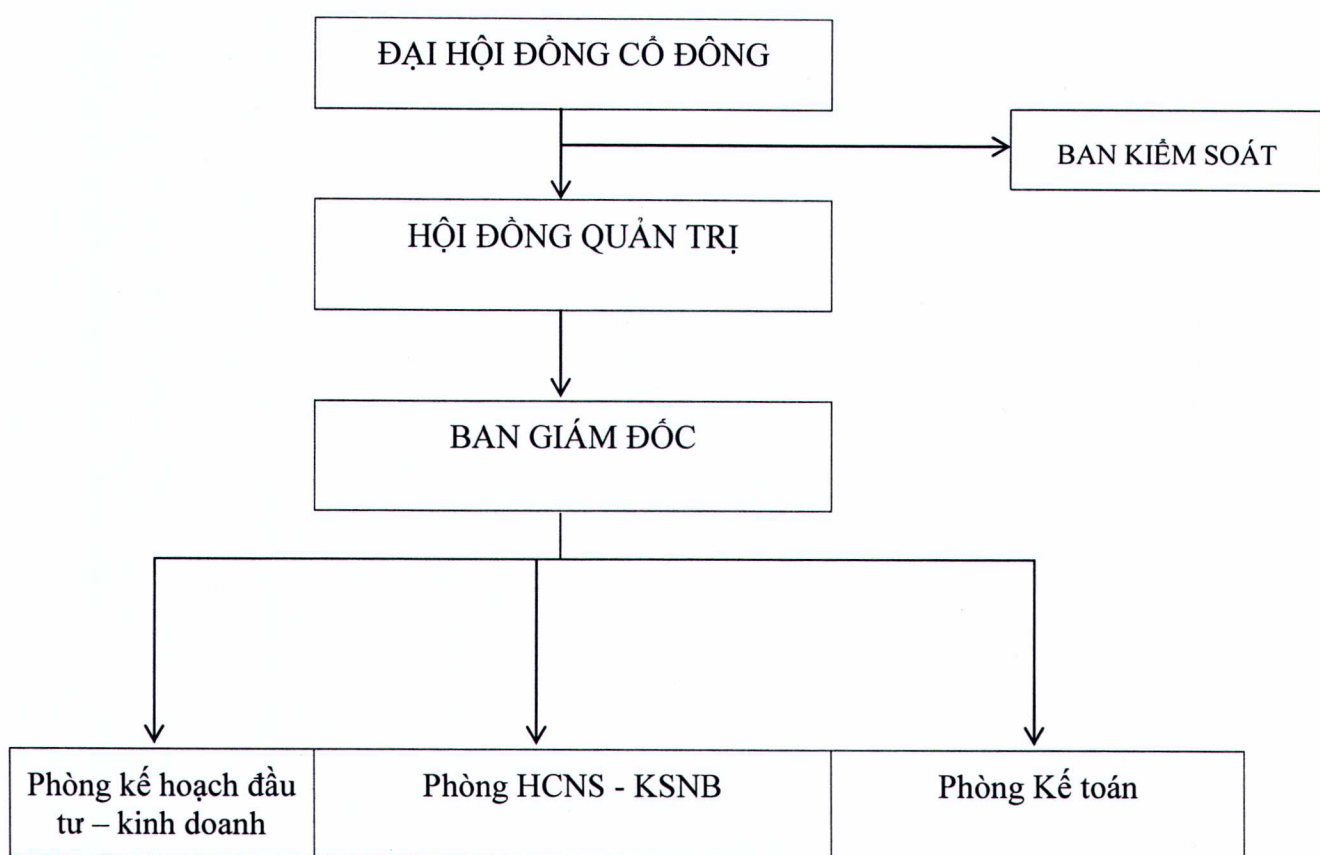
- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

Địa bàn hoạt động kinh doanh chính trong phạm vi toàn quốc

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/*Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)/*Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Enterprises)*.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU BỘ MÁY CÔNG TY



- Cơ cấu bộ máy quản lý/*Management structure*.

- Hội đồng quản trị (HĐQT)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
1	Nguyễn Thành Tiến	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 20/07/2020
2	Nguyễn Hữu Thuận	Phó CT.HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/07/2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

		kiêm GD	
3	Đặng Viết Mạnh	TVHĐQT – PGĐ	Miễn nhiệm tư cách TV.HĐQT ngày 23/09/2021
4	Nguyễn Văn Đức	TVHĐQT	Bỏ nhiệm ngày 30/07/2021
5	Trần Quang Thịnh	TVHĐQT	Bỏ nhiệm ngày 30/07/2021
6	Phạm Đăng Hoàng Huy	TVHĐQT	Bỏ nhiệm ngày 23/09/2021

Số thành viên của HĐQT gồm 05 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý, có toàn quyền nhân dân công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của ĐHCĐ. HĐQT có nhiệm vụ:

- ▶ Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- ▶ Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- ▶ Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- ▶ Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
- ▶ Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 24 của Điều lệ;
- ▶ Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư của công ty, trừ những dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- ▶ Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- ▶ Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
- ▶ Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng công ty và các chức danh khác tương đương; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, ký hợp đồng; cử người đại diện theo ủy quyền quản lý vốn góp của công ty ở doanh nghiệp, tổ chức khác và quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; chỉ định, bãi nhiệm đại diện thương mại, Luật sư của công ty, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của họ;
- ▶ Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

- ▶ Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- ▶ Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- ▶ Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- ▶ Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- ▶ Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;
- ▶ Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định trong điều lệ.
- Ban kiểm soát (BKS)

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
1	Trần Công Thanh	Trưởng ban	Miễn nhiệm từ ngày 10/05/2021
2	Phạm Tuấn Anh	Thành viên BKS	Miễn nhiệm từ ngày 28/05/2021
3	Ngô Quốc Cường	Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 23/09/2021
4	Hoàng Thị Việt	Trưởng ban	Bổ nhiệm từ ngày 23/09/2021
5	Nguyễn Huy Bảo	Thành viên BKS	Bổ nhiệm từ ngày 23/09/2021
6	Khương Thị Phương Uyên	Thành viên BKS	Bổ nhiệm từ ngày 23/09/2021

BKS là cơ quan trực thuộc ĐHCĐ, do ĐHCĐ bầu ra gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. BKS bao gồm những người thay mặt Cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất, kinh doanh của Công ty. BKS có các quyền hạn và trách nhiệm như sau:

- ▶ Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
- ▶ Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

- ▶ Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- ▶ Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
- ▶ Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ.
- ▶ Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- ▶ Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- ▶ Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- ▶ Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.
- ▶ Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- ▶ Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- ▶ Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- ▶ Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- ▶ Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.
- ▶ Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
- ▶ Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ,

yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

- ▶ Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- ▶ Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định.
- ▶ Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/*Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership percentages of the Company in such subsidiaries, associated companies*).

Không có

4. Định hướng phát triển/*Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty /*Main objectives of the Company*: Mở rộng ngành nghề kinh doanh, tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong các năm tới

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/*Development strategies in medium and long term*.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability*.

5. Các rủi ro/*Risks*: (Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ...)/*Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks*): Dịch bệnh kéo dài cũng ảnh hưởng đến tiến trình phát triển của Công ty trong các năm tới.

II. Tình hình hoạt động trong năm/*Operations in the Year*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/*Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/*Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp, ... /*specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc.*

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/*Implementation situation/actual progress against the plan*: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu



(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

so với kế hoạch và so với năm liền kề/*Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/achievement/excess of the targets and against the preceding years.*

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch %	So sánh cùng kỳ %
1	Doanh thu	Triệu đồng	8.371	8000	14.543	182%	174%
2	Lợi nhuận trước thuế	“	29	800	7.004	876%	24.152%
3	Thuế	“	12	160	1.337	836%	11.142%
4	Lợi nhuận sau thuế	“	17	640	5.668	886%	33.341%
5	Tỉ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	%	0,11		0,27		2,45
6	Tỉ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ	%	0,16	6	52	8,6	325
7	Đơn giá tiền lương thực hiện	đ/1000đ LN					
8	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng/người	20,00	20,00	26,00		130%

2. Tổ chức và nhân Sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/List of the Board of Management: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/List, curriculum vitae and ownership percentage of the Company's voting shares

and other securities by the Company's General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers.

- Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu	Tỷ lệ%
1	Nguyễn Hữu Thuận	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	108.000	10%
2	Nguyễn Thu Hà	Phó Giám đốc	72.500	7%
3	Lê Thị Chung	Kế toán trưởng	0	0

Ban Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Giám đốc có các quyền hạn và nhiệm vụ như sau:

- ▶ Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- ▶ Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, của Đại hội đồng cổ đông;
- ▶ Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- ▶ Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
- ▶ Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- ▶ Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- ▶ Tuyển dụng lao động;
- ▶ Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- ▶ Được đề xuất nhân sự để Hội đồng quản trị xem xét cử/bổ nhiệm đảm nhiệm các chức vụ quản lý cấp cao của công ty, gồm: Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty, Giám đốc công ty con, người đứng đầu chi nhánh, trưởng văn phòng đại diện, người đại diện quản lý vốn đầu tư của công ty ở doanh nghiệp, tổ chức khác, Luật sư của công ty;
- ▶ Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

- Những thay đổi trong ban điều hành/changes in the Board of Management: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(List the changes in the Board of Management in the year).

STT	Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/miễn nhiệm
1	Nguyễn Hữu Thuận	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	Bổ nhiệm 12/01/2021
2	Nguyễn Thu Hà	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm 25/10/2021
3	Hoàng Thị Xuân Hòa	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm 02/07/2021
4	Nguyễn Thị Ngân	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm 22/11/2021
5	Lê Thị Chung	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 22/11/2021

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies.

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2021 là 8 người, các chính sách về lương, thưởng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tuân thủ theo quy chế nội bộ, quy chế tiền lương, tiền thưởng của công ty và phù hợp với quy định của nhà nước. Cơ cấu lao động theo trình độ sau:

- Cơ cấu lao động phân theo trình độ

STT	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Số người
1	Trình độ đại học và trên đại học	8
2	Trình độ cao đẳng và trung cấp	0
3	Công nhân kỹ thuật	0

4	Lao động phổ thông	0
Tổng số		8

- Cơ cấu lao động phân theo Hợp đồng lao động

STT	Hợp đồng lao động	Số người
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	8
2	Hợp đồng xác định thời hạn	0
3	Hợp đồng thời vụ	0
Tổng số		8

Công ty luôn nỗ lực tạo điều kiện cho CBCNV có thu nhập ổn định. Năm 2021, mức thu nhập bình quân đầu người toàn Công ty là 15 triệu đồng/người/tháng

Toàn thể CBCNV của Công ty ký hợp đồng lao động chính thức được tham gia các chế độ BHXH, BHNT, BHYT theo quy định của nhà nước. Đồng thời, các cán bộ có năng lực được Công ty tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề, tạo động lực phấn đấu cho người lao động. Ngoài ra, công ty luôn quan tâm, tặng quà cho CBCNV trong các ngày lễ 08/03, 20/10, 02/09, ngày Tết, sinh nhật, tặng quà cho con em CBCNV nhân dịp 1/06, lễ Trung Thu...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/*Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/*specify major investments implemented for the year (including financial investments and project investment), the implementation progress of major projects. If the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.*

Không có

b) Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/(*Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies*).

Không có

4. Tình hình tài chính/*Financial situation*

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

a) Tình hình tài chính/Financial situation

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm/ Year 2020	Năm/ Year 2021	% tăng giảm/ % change
<i>Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/Total asset	15.844.985.775	25.260.223.188	59%
Doanh thu thuần/Net revenue	7.788.843.167	14.543.041.561	87%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Profit from business activities	33.808.696	7.035.083.217	20.709%
Lợi nhuận khác/Other profits	(4.242.799)	(51.748.471)	1.120%
Lợi nhuận trước thuế/Profit before tax	29.565.917	7.004.720.810	23.592%
Lợi nhuận sau thuế/Profit after tax	17.429.093	5.667.821.303	32.419%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/Payout ratio	5%	5%	100

- Các chỉ tiêu khác/ Other figures: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/ depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years).

Không

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial indicators:*

Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	Năm/ <i>Year</i> 2020	Năm/ <i>Year</i> 2021	Ghi chú/ <i>Note</i>
<p>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i></p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio:</i></p> <p>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio:</i></p> <p>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn <i>Short term Asset – Inventories</i> <i>Short term Debt</i></p>	44	4	
<p>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i></p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owner's Equity ratio</i>)</p>	0,015	0,18	
<p>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability Ratio</i></p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover:</i></p> <p>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)</p> <p>+ Vòng quay tổng tài Sản/ <i>Total asset turnover:</i></p> <p>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (<i>Net revenue/ Average Total Assets</i>)</p>	0	0	
<p>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Profitability</i></p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit</i>)</p>	0,002	0,39	

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

<i>after tax/ Net revenue Ratio)</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	0,001	0,27	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	0,001	0,224	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Profit from business activities/ Net revenue Ratio</i>)	0,004	0,487	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) **Cổ phần/ Shares:** Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, the Company's Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.

- Tổng số cổ phần: 1.080.000 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 1.080.000 đồng
- Không có cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng

b) **Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure:** Nếu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ Specify shareholders structure by ownership percentages (major, minority shareholders); institutional and Individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders; foreign shareholder's maximum percentages.

- Danh sách cổ đông được thống kê theo danh sách sở hữu chốt ngày 25/10/2021:

STT	Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ
I.	Cổ đông lớn, nhỏ	69	1.080.000	100,00%
1	Cổ đông lớn	5	598.400	55,4%
2	Cổ đông nhỏ	64	481.600	44,65
II.	Cổ đông tổ chức, cá nhân	69	1.080.000	100%
1	Cổ đông tổ chức	2	151.100	14%
2	Cổ đông cá nhân	67	928.900	86%
III.	Cổ đông trong nước, nước ngoài	69	1.080.000	100%
1	Cổ đông trong nước	61	1.040.500	96,35%
2	Cổ đông nước ngoài	8	39.500	3,65%
IV.	Cổ đông nhà nước, khác	0	0	0
1	Cổ đông nhà nước	0	0	0
2	Cổ đông khác	0	0	0

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp)/*specify equity increases including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, Issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

- Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties.*

- Không có

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng



(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

khoán/Specify other securities issues conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issues.

- Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/Total direct and indirect GHG emission

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/ Measures and initiatives to reduce GHG emission.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.

- Không có báo cáo về nguyên vật liệu do đặc thù công ty là bán phần mềm và giáo dục, đào tạo

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.

- Không có báo cáo về nguyên vật liệu do đặc thù công ty là bán phần mềm và giáo dục, đào tạo

6.3. Tiêu thụ năng lượng/Energy consumption:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/Energy consumption - directly and indirectly.

Các chỉ số về năng lượng trong hoạt động sản xuất

Tổng năng lượng được sử dụng phân loại theo từng nguồn	Năm 2021	
Điện (kwh)	8.599	

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/Energy savings through initiatives of efficiently using energy.

- Không có báo cáo

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/*The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

- Không có báo cáo về sáng kiến tiết kiệm năng lượng

6.4. *Tiêu thụ nước:* (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/*Water supply and amount of water used.*

Tổng lượng nước tiêu thụ	Năm 2021	
Nước máy (m ³)	60	

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/*Percentage and total volume of water recycled and reused.*

- Không có báo cáo về tổng lượng nước tái chế và sử dụng

6.5. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

- Không có báo cáo về số lần bị xử phạt

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*the total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

- Không có báo cáo về tổng số tiền do bị xử phạt

6.6. *Chính sách liên quan đến người lao động/Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/*Number of employees, average wages of workers.*

- Số lượng lao động: 8 người

- Mức lương trung bình: 15 triệu/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/*Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

Hàng năm, công ty thực hiện những ngày nghỉ Lễ, Tết, nghỉ phép trong năm được thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động. Các chế độ trợ cấp khó khăn, thăm viếng hiếu

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

hi, thăm quan, nghỉ mát cho CBCNV và thực hiện các khoản khen thưởng, phúc lợi cho người lao động căn cứ vào quy chế nội bộ, quy chế lương thưởng và hiệu quả sản xuất kinh doanh, năng lực và hiệu quả lao động của CBCNV.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/*Employee training*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/*The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff*

Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ cán bộ nhân viên

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/*The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

Có chương trình cử CBCNV tham gia các khóa học chuyên ngành Marketing, quản trị doanh nghiệp, phát triển các kỹ năng của bản thân.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/*The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

- Không thực hiện

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/*Report on green capital market activities under the guidance of the ssc.*

- Không có báo cáo về hoạt động thị trường vốn xanh

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững/*Public companies are encouraged to apply the globally accepted reporting and disclosure standards in preparing their sustainability reports.*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Reports and assessments of the Board of Management* (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty / *the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet*)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/*Assessment of operating results*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/*General analysis of company's operations against the previous operating targets and results. In case of failing to meet the operating results and targets, the Board of Management must clearly state the reasons and their responsibilities for such results (if any).*

- Đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh, doanh thu vượt 186%, lợi nhuận sau thuế đạt 32.680 %

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

2. Tình hình tài chính/*Financial Situation*

a) Tình hình tài sản/*Assets*

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/*Analysis of assets and changes in assets (analysis and assessment of the efficiency of assets usage and bad receivable debts that affect operating results).*

b) Tình hình nợ phải trả/*Debt Payable*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/*Current debts, major changes of debts.*

Hệ số nợ/tổng tài sản: 0,18; Hệ số nợ/vốn chủ: 0,2 Trong năm công ty không có biến động lớn về các khoản nợ.

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/*Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes.*

Trong năm Công ty không có Nợ phải trả quá hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/*Improvements in organizational structure, policies, and management.*

Không có

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/*Development plans in future*

- Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông giao thực hiện theo từng thời kỳ

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (*Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần*)/*Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified).*

- Không có

15
G T
HÀ
PHÁ
NG
LAI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.).*

Do đặc thù công việc Công ty chỉ sử dụng điện, nước sinh hoạt

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/*Assessment concerning the labor issues:*
Không có tác động liên quan đến người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/*Assessment concerning the corporate responsibility for the local community:*
Hoạt động kinh doanh của Công ty không ảnh hưởng đến môi trường địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/ *Assessments of the Board of Directors on the Company's operation (for joint stock companies)*

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.

- Ban điều hành và Cán bộ nhân viên công ty đã bám sát theo chủ trương, chỉ đạo của HĐQT đề ra về các hoạt động chung của công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management s performance

Trong năm qua, các thành viên Ban Giám đốc đã tích cực phối hợp, hỗ trợ công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban giám đốc đã tổ chức 01 kỳ đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Ban giám đốc đã tham gia đầy đủ các phiên họp HĐQT mở rộng với sự tham gia dự họp của Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng Ban kiểm soát công ty để trực tiếp trao đổi, kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động cũng như chỉ đạo thực hiện các hoạt động của công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/Plans and orientations of the Board of Directors

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị CTCP Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang sẽ tiếp tục giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, quản trị hoạt động doanh nghiệp theo đúng định hướng phát triển và những chỉ tiêu kinh doanh do Đại hội đồng giao, hành động vì lợi ích cổ đông và vì sự phát triển chung của CTCP Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang

V. Quản trị công ty/Corporate governance

1. Hội đồng quản trị/Board of Directors

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/ *Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/(*The list of members of the Board of Directors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company, the list of independent members and other members; the list of positions that a member of the Board of Directors at the Company hold at other companies*).

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Nguyễn Thành Tiến	Chủ tịch HĐQT	98.100	9,08	
2	Nguyễn Hữu Thuận	PCT – kiêm GĐ	108.000	10	
3	Đặng Viết Mạnh	TVHĐQT – PGĐ	0	0	
4	Nguyễn Văn Đức	TVHĐQT	0	0	
5	Trần Quang Thịnh	TVHĐQT	25.700	2,4	
6	Phạm Đăng Hoàng Huy	TVHĐQT	0	0	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*the committees of the Board of Directors*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*The list of the subcommittees of the Board of Directors and list of members of each subcommittee*).

Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Directors and specifying the number of Board of Directors meetings, their contents and results*.

ST T	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	02/2021/NQHĐQT-VLA	12/01/2021	Thông qua miễn nhiệm ông Nguyễn Thanh Tùng – Giám đốc công ty từ ngày 12/01/2021 Bổ nhiệm ông Nguyễn Hữu Thuận làm

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

			Giám đốc công ty từ ngày 12/01/2021
2	16/2021/NQHĐQT-VLA	03/02/2021	Thay đổi người đại diện theo pháp luật: - Ông Nguyễn Thanh Tùng: Nguyên giám đốc công ty, thôi là người đại diện theo pháp luật của công ty từ ngày 03/02/2021 trở đi - Ông Nguyễn Hữu Thuận – Giám đốc công ty là người đại diện theo pháp luật của công ty kể từ ngày 18/03/2021
3	29/2021/NQHĐQT-VLA	22/03/2021	1. Triển khai kí hợp đồng dịch vụ năm 2021 2. Triển khai phần mềm quản lý đào tạo 3. Chủ trương đầu tư kinh doanh BĐS 4. Thuê luật sư tư vấn pháp lý kinh doanh BĐS
4	34/2021/NQHĐQT-VLA	13/04/2021	Thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 Đồng ý phương án kinh doanh BĐS do GD đề xuất
5	40/2021/NQHĐQT-VLA	21/05/2021	Thông qua việc lùi cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 theo chỉ thị 12/CT-UBND ngày 11/05/2021 của UBND tp HN cho tới ngày có thông báo chính thức
6	80/2021/NQ-VLA	02/07/2021	1. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 2. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 3. Thông qua phương án phát hành trái phiếu, phát hành cổ phiếu trong năm 2021. Ủy quyền cho Ban Giám đốc xây dựng phương án cụ thể 4. Thông qua việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý của Công

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

			<p>ty.</p> <p>5. Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020</p> <p>6. Thông qua báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán</p> <p>7. Thông qua phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS, TK năm 2021</p> <p>8. Thông qua việc ban hành Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty</p> <p>9. Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021</p> <p>10. Thông qua Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ ĐHCĐ</p> <p>11. Thông qua việc thay đổi người công bố thông tin</p> <p>12. Thông qua việc thay đổi thư ký HĐQT</p>
7	81/2021/QĐ-VLA	02/07/2021	Miễn nhiệm chức vụ kế toán trưởng công ty đối với bà Hoàng Thị Xuân Hòa
8	82/2021/QĐ-VLA	02/07/2021	Bổ nhiệm chức vụ phụ trách kế toán công ty đối với bà Nguyễn Thị Ngân
9	93/2021/HĐQT-VLA	11/07/2021	Phê duyệt phương án lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021
10	114/2021/NQ-VLA	10/08/2021	Quyết định chọn công ty TNHH Kiểm toán TTP để thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2021
11	117/2021/NQHĐQT-VLA	12/08/2021	Quyết định lùi thời gian đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
12	129/2021/NQHĐQT-VLA	07/09/2021	Quyết định lùi thời gian đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
13	156/2021/NQ-VLA	25/10/2021	Tiếp nhận và bổ nhiệm bà Nguyễn Thu Hà giữ chức vụ phó giám đốc tài chính

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

			kinh doanh
14	157/2021/QĐ-HĐQT	25/10/2021	Quyết định bổ nhiệm bà Nguyễn Thu Hà giữ chức vụ phó giám đốc tài chính kinh doanh.
15	168/2021/HĐQT-VLA	19/11/2021	Đồng ý ủy quyền cho Ban điều hành đầu tư cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán
16	174/2021/HĐQT-VLA	22/11/2021	Miễn nhiệm bà Nguyễn Thị Ngân – Phụ trách kế toán công ty. Bổ nhiệm bà Lê Thị Chung làm Kế toán trưởng
17	175/2021/QĐ-VLA	22/11/2021	Miễn nhiệm chức vụ Phụ trách kế toán công ty đối với bà Nguyễn Thị Ngân
18	176/2021/QĐ-VLA	22/11/2021	Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với bà Lê Thị Chung
19	185/2021/HĐQT-VLA	08/12/2021	Đồng ý ủy quyền cho Ban điều hành đầu tư cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán
20	188/2021/NQHĐQT-VLA	15/12/2021	Phê duyệt phương án tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
21	191/2021/HĐQT-VLA	15/12/2021	Đồng ý ủy quyền cho Ban điều hành đầu tư cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/ *Activities of the Board of Directors independent members*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors' subcommittees*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the subcommittees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each subcommittee, their contents and results*).

- Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*the list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year*.

- Không có

2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán /Board of Supervisors/Audit Committee

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/*Members and structure of the Board of Supervisors/ Audit Committee*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*The list of members of the Board of Supervisors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company*).

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Trần Công Thanh	Trưởng ban	500	0,05	
2	Phạm Tuấn Anh	Thành viên BKS	0	0	
3	Ngô Quốc Cường	Thành viên BKS	0	0	
4	Hoàng Thị Viêt	Trưởng ban	0	0	
5	Nguyễn Huy Bảo	Thành viên BKS	0	0	
6	Khuông Thị Phương Uyên	Thành viên BKS	0	0	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/ *Activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee, specifying the number of Board of Supervisors'/Audit Committee's meetings, their contents and results*).

Công ty đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong công tác quản lý hành chính. Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT đã ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ áp dụng thống nhất trong toàn công ty nhằm tăng cường công tác quản trị kinh doanh. Trong năm qua, công ty không phát sinh bất cứ vấn đề tranh chấp nào liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Dựa trên kết quả kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát nhất trí với các nội dung trong báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành trong năm của HĐQT và Ban Giám đốc. Ban

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

kiểm soát không cần đưa ra quyết định nào về việc điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng ban chức năng.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/ Audit Committee

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/Salary, rewards, remuneration and benefits; (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/ Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Nonmaterial benefits which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and explained).

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác của HĐQT, BKS trong năm 2021, như sau:

Tổng thù lao HĐQT: 21.600.000 đồng

Tổng thù lao BKS: 12.000.000 đồng

Thư ký: 3.600.000 đồng

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/Share transactions by internal shareholders: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/Information about share transactions of members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), Chief Accountant, the company's managers, secretaries, major shareholders and their affiliated persons).

STT		Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu năm	Số cổ phiếu sở hữu cuối kì	Tỷ lệ %	Lý do tăng, giảm
1	Đặng Trọng Khang	Cổ đông lớn	269.800	269.800	24,98%	Không đổi
2	Nguyễn Hữu Thuận	Cổ đông lớn	0	108.000	10%	Mua mới

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

3	Nguyễn Thành Tiến	Cổ đông lớn	98.100	98.100	9,08%	Không đổi
4	Nguyễn Thu Hà	Cổ đông lớn	72.500	72.500	6,71%	Không đổi
5	Công ty CP BĐS cho thuê Minh Bảo Tín	Cổ đông lớn	119.200	50.000	4,63%	Bán 69.200 cp

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/Contracts or transactions with internal shareholders*: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions signed or executed in the year by the members of the Board of Directors, Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), managers and affiliated persons with the Company, subsidiaries, and other companies in which the Company holds the control right.*

- Không có

d) *Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/Assessing the Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Specifying the contents which have not been implemented in accordance with the laws on corporate governance, specifying reasons and solutions to improve the efficiency of corporate governance*).

Thời gian qua, HĐQT đã thực hiện nghiêm túc nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ, hỗ trợ tốt BGĐ trong quá trình hoạt động của công ty và kết quả kinh doanh của VLA luôn luôn có những đóng góp nhất định của HĐQT. Chính nhờ có sự sát sao và phối hợp nhịp nhàng trong công tác quản trị và điều hành mà thêm một lần nữa, VLA đã khẳng định sự phát triển không ngừng của mình.

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/*Auditor's opinions*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ứng trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CTCP Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày báo cáo tài chính.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ/ Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance with the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and clearly state the addresses where the financial statements of the parent company to be published and provided).

Toàn văn Báo cáo tài chính được kiểm toán được đăng tải đầy đủ tại địa chỉ: www.vla.vn
> mục “trang chủ” > “Dành cho cổ đông” > “Báo cáo tài chính năm 2021”.

Nơi nhận:

Recipients:

-
- Lưu: VT, ...
- Archived:...

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Giám đốc



Nguyễn Hữu Thuận